

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận
2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST- HNGĐ ngày 05/02/2021, thông báo mở lại phiên tòa số 259/2021/TB-TA ngày 17/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K.T, sinh năm 1974; (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm 8, thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 8, thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937; nơi cư trú: Thôn M 1, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Nguyễn Thị M. Sinh năm 1943; nơi cư trú: Thôn M 1, xã L, huyện

Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 01/9/2008, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống gia đình nhà anh V vài tháng thì ra ở riêng. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng xảy ra xô sát, anh V đã từng dùng bạo lực với chị, chị không còn tình cảm với anh V. Ngoài ra chị đã hai lần làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh V, lần đầu chị tự nguyện rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, lần thứ hai chị tiếp tục làm đơn xin ly hôn nhưng Tòa án không chấp nhận cho chị ly hôn anh V. Sau đó vợ chồng chị chung sống với nhau nhưng chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân ngọt nhạt, không có hạnh phúc, mỗi người làm việc của người đó. Nay chị xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh V nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Nguyễn Thị T. V, sinh ngày 09/8/2009 và Nguyễn Thị T. C, sinh ngày 24/8/2013. Khi ly hôn, chị xin nuôi con T. C, anh V nuôi con T. V theo nguyện vọng của các con, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh V không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Nguyễn Quang V trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị T đã khai. Theo anh trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong đời sống hàng ngày. Anh xác định trước đây có lần vợ chồng xô sát nhưng đã qua lâu rồi. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, để kệ chị T muốn giải quyết như thế nào là việc của chị T vì anh không có biện pháp nào để chị T rút đơn xin ly hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh và chị T ít khi nói chuyện với nhau.

Về con chung: Anh xác định anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị T. V, sinh ngày 09/8/2009 và Nguyễn Thị T. C, sinh ngày 24/8/2013. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con; hai bên

không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của gia đình chị T, anh V: Chị T, anh V không đề nghị thôn, xã hòa giải nên địa phương không nắm được cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên, đây là lần thứ ba chị T làm đơn xin ly hôn có nghĩa chị T không muốn chung sống cùng anh V, cuộc sống không còn hạnh phúc nên đoàn thể, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án trên cơ sở đơn xin ly hôn của chị T xem xét giải quyết cho chị T được ly hôn. Gia đình chị T, anh V xác định gia đình hai bên đã nói chuyện với anh V, chị T không có kết quả, chị T một mực xin ly hôn đề nghị để chị T, anh V tự quyết định, Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày như ý kiến đã nêu ở trên, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị K.T ly hôn anh Nguyễn Quang V. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị T. V, sinh ngày 09/8/2009 cho anh V nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị T. C, sinh ngày 24/8/2013 cho chị T nuôi dưỡng. Anh V, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh V, chị T có quyền thăm nom con không ai bị cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, công nợ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí : Chị Nguyễn Thị K.T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh V tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T và ý kiến của anh V, Hội đồng xét xử thấy: Chị T, anh V không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, hai bên ít chia sẻ suy nghĩ tình cảm nên không thể hòa hợp, giữa vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mặt khác, đây là lần thứ ba chị T làm đơn xin ly hôn nộp tại Tòa án, có thể nhận thấy rằng chị T không còn muốn chung sống cùng anh V, cuộc sống hôn nhân không có cải thiện so với trước đây. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh V, kiên quyết xin ly hôn. Anh V mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên hòa giải anh không có mặt thể hiện anh không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, bản thân anh trình bày anh không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T, anh V ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung :* Vợ chồng chị T, anh V có 02 con chung là Nguyễn Thị T. V, sinh ngày 09/8/2009 và Nguyễn Thị T. C, sinh ngày 24/8/2013. Chị T, anh V đều có đề nghị theo nguyện vọng của các con. Con T. V xin ở với bố, con T. C xin ở với mẹ. Xét đề nghị của chị T, anh V, nguyện vọng của các con là hoàn toàn chính đáng, phù hợp quy định pháp luật. HĐXX chấp nhận, giao anh V nuôi con Nguyễn Thị T. V, chị T nuôi con Nguyễn Thị T. C; hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[4] *Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Chị T, anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị K.T ly hôn anh Nguyễn Quang V.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị T. V, sinh ngày 09/8/2009 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thị T. C, sinh ngày 24/8/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 2/2021 đến khi các con thành niên. Chị T, anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị T, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K.T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002000 ngày 04/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Tm. Héi @àng xĐt xö s- thỀm
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nhung

